

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/DS-ST
Ngày: 05-02-2026.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Vy và bà Trần Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Đình Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Huế, thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Huế, thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Huế, số A đường L, xã P, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S, địa chỉ trụ sở: No.E.Road, Sec B, Đ, Đà Loan, Trung Quốc; địa chỉ liên hệ: Tầng N Toà nhà F, số M đường L, phường S (phường B, Quận H cũ), thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T, chức vụ: Chủ tịch Ngân hàng S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông W, chức vụ: Giám đốc Bộ phận Quản trị hành chính của Ngân hàng S (theo Văn bản ủy quyền số 202503.03802 ngày 11/3/2025).

Người được uỷ quyền lại: Ông Lữ Thái Hoàng Q, sinh năm 1993, CCCD số 079093001XXX và ông Nguyễn Lâm V, sinh năm 2000, CCCD số 06020007XXX, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng S; địa chỉ: Tầng N Toà nhà F, số M đường L, phường S (phường B, Quận H cũ), thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy uỷ quyền số 6138.12/UQ-BSP.HCM.25 ngày 26/3/2025); có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1980; nơi thường trú: Số nhà G, kiệt S, tổ dân phố C, phường P, thành phố Huế; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 06/9/2023, Ngân hàng S và ông Nguyễn Thanh M có ký kết Thỏa thuận cho vay cá nhân số VS802308070001 cho ông Nguyễn Thanh M vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất khoản vay: 16%/năm, mục đích vay: Mua hàng tiêu dùng. Đến ngày 20/6/2024, ông Nguyễn Thanh M không thực hiện đúng cam kết theo Thỏa thuận cho vay cá nhân, không trả tiền gốc và tiền lãi định kỳ theo cam kết. Phía Ngân hàng S đã thông báo và làm việc rất nhiều lần với phía bị đơn bằng thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay để yêu cầu giải quyết trả nợ gốc và lãi nêu trên nhưng ông Nguyễn Thanh M vẫn không trả nợ theo Thỏa thuận cho vay cá nhân nêu trên.

Tính đến ngày 05/02/2026, ông Nguyễn Thanh M đã trả được tổng cộng số tiền là 104.336.590 đồng (trong đó số tiền gốc đã trả: 61.944.138 đồng; số tiền lãi đã trả: 42.320.014 đồng và số tiền lãi chậm trả đã trả: 72.438 đồng). Tổng cộng số tiền ông Nguyễn Thanh M còn nợ phía nguyên đơn là: 317.232.463 đồng.

Do đó phía nguyên đơn là Ngân hàng S đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông Nguyễn Thanh M phải thanh toán khoản nợ tính đến thời điểm ngày 05/02/2026 là 317.232.463 đồng (trong đó: nợ gốc: 238.055.862 đồng, lãi trong hạn: 20.110.807 đồng, lãi quá hạn: 55.176.506 đồng, lãi chậm trả từng kỳ lãi quá hạn: 3.889.288 đồng) và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 06/02/2026 theo Thỏa thuận cho vay cá nhân trên cho đến khi trả xong khoản nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 21/11/2025, Công an phường P, thành phố Huế cho biết: Ông Nguyễn Thanh M có nơi thường trú tại số nhà S, tổ dân phố C, phường P, thành phố Huế. Ủy ban nhân dân phường P đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và phối hợp với Tòa án giao lại cho ông M nhưng ông M không có mặt nên không thể giao cho ông M được. Vì vậy, Ủy ban nhân dân phường P phối hợp với Tòa án niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 15/01/2026, Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng do bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 05/02/2026, đồng thời niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần hai không rõ lý do, đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án theo đúng quy định.

Về nội dung: Do bị đơn là ông Nguyễn Thanh M đã vi phạm các nghĩa vụ trong Thỏa thuận vay cá nhân, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh M phải trả cho nguyên đơn là Ngân hàng S số tiền tính đến ngày 05/02/2026 là 317.232.463 đồng (trong đó: nợ gốc: 238.055.862 đồng, lãi trong hạn: 20.110.807 đồng, lãi quá hạn: 55.176.506 đồng, lãi chậm trả từng kỳ lãi quá hạn: 3.889.288 đồng) và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 06/02/2026 theo Thỏa thuận cho vay cá nhân trên cho đến khi trả xong khoản nợ. Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Vụ án được Tòa án nhân dân Quận G, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực D - thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý số 323/TB-TLVA ngày 06/5/2025. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận G, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực D - thành phố Hồ Chí Minh) đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Thanh M không có mặt; Tòa án đã tiến hành xác minh thông qua Công an phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh và Công an phường A, thành phố Hồ Chí Minh, tại địa chỉ số T đường số F, phường E, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh thể hiện ông Nguyễn Thanh M không đăng ký thường trú, tạm trú tại địa chỉ trên, đã chuyển về Tổ C, phường P, thành phố Huế từ ngày 25/12/2023. Kết quả xác minh của Công an phường P, thành phố Huế thể hiện: ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1980, căn cước công dân số 046080005XXX, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà S số nhà G, kiệt S, tổ dân phố C, phường P, thành phố Huế. Căn cứ khoản 1 Điều 39, Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực D - thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế để giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án và về tố tụng: Xét thấy, nguyên đơn là Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Thanh M thanh toán các khoản nợ phát sinh theo Thỏa thuận cho vay cá nhân đã ký kết, tranh chấp giữa hai bên xuất phát từ hợp đồng tín dụng, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi thường trú tại phường P, thành phố Huế nên căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế.

Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện, do đó căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu khởi kiện vụ án.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên

tòa lần thứ hai, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Bởi vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về câu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thoả thuận cho vay cá nhân số VS802308070001 ký kết ngày 06/9/2023, thời hạn vay: 48 tháng, mục đích vay: Mua hàng tiêu dùng, lãi suất cố định là 16%/năm, quá hạn trả nợ ngày 20/6/2024, giữa bên cho vay là Ngân hàng S và bên vay ông Nguyễn Thanh M được ký kết có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 402, Điều 405 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự, các Điều 90, 91 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017) (nay là Điều 99, Điều 100 và Điều 107 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024) nên hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện Thoả thuận cho vay cá nhân nêu trên, Ngân hàng S thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã tiến hành giải ngân khoản vay, ông Nguyễn Thanh M đã nhận đủ tiền bằng tài khoản số 07000800050029 của Ngân hàng S - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 300.000.000 đồng. Quá trình trả nợ, tính đến ngày 05/02/2026, bị đơn ông Nguyễn Thanh M chỉ trả được tổng cộng số tiền là 104.336.590 đồng (trong đó số tiền gốc đã trả: 61.944.138 đồng; số tiền lãi đã trả: 42.320.014 đồng và số tiền lãi chậm trả đã trả: 72.438 đồng). Từ ngày 20/6/2024 đến nay, ông Nguyễn Thanh M vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn nên đã vi phạm về thời hạn trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S buộc ông Nguyễn Thanh M phải thanh toán các khoản nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 05/02/2026) là 317.232.463 đồng (trong đó: nợ gốc: 238.055.862 đồng, lãi trong hạn: 20.110.807 đồng, lãi quá hạn: 55.176.506 đồng, lãi chậm trả từng kỳ lãi quá hạn: 3.889.288 đồng) và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 06/02/2026 theo Thoả thuận cho vay cá nhân trên cho đến khi trả xong khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị đơn là ông Nguyễn Thanh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 402, Điều 405, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự; Áp dụng Điều 90, 91 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017) (nay là Điều 99,

Điều 100 và Điều 107 Luật tổ chức tín dụng năm 2024); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng S. Buộc bị đơn là ông Nguyễn Thanh M phải trả cho Ngân hàng S số tiền 317.232.463 đồng (trong đó: nợ gốc: 238.055.862 đồng, lãi trong hạn: 20.110.807 đồng, lãi quá hạn: 55.176.506 đồng, lãi chậm trả từng kỳ lãi quá hạn: 3.889.288 đồng) và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 06/02/2026.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn là ông Nguyễn Thanh M phải chịu 15.861.623 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho nguyên đơn là Ngân hàng S 6.582.796 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0057511 ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực D, thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- VKSND KVD-Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND KVD- Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KVD- Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 - Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú